

Bản án số: 07/2023/DS-ST

Ngày: 24/02/2023.

V/v: “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản ”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN – TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hùng Định.
2. Bà Đỗ Thị Hải.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 111/2022/TLST - DS ngày 26 tháng 12 năm 2022, về việc: “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trương Thị Bạch L, sinh năm 1990.

Cư trú: Thôn T, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Bị đơn: Anh Lê N, sinh năm 1982.

Cư trú: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/11/2022 và lời trình bày của nguyên đơn chị L tại phiên tòa trình bày: Do quen biết nhau nên ngày 08/4/2020 tôi có cho anh Lê N mượn số tiền 400.000.000 đồng (có lập giấy mượn tiền kèm theo), mục đích cho mượn là để anh N đáo hạn Ngân hàng, đến khoảng tháng 12/2021 và tháng 6/2022 anh N có trả dần cho tôi 02 lần với số tiền gốc 90.000.000 đồng, số tiền gốc còn lại 310.000.000 đến nay chưa trả. Trước đây tôi có thông báo yêu cầu anh N trả nợ số tiền còn lại trên, tuy nhiên anh N không thực hiện việc trả nợ. Do vậy, nay tôi yêu cầu anh N phải có nghĩa vụ trả nợ cho tôi số tiền gốc còn lại 310.000.000 đồng, và tiền lãi phát sinh 10%/ năm (tương ứng 0,83%/ tháng) theo

quy định của bộ luật dân sự 2015, thời gian tính lãi kể từ tháng 7/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 24/02/2023 là 07 tháng 24 ngày cụ thể:

- Nợ gốc 310.000.000 đồng x 07 tháng x 0,83%/ tháng = 18.011.000 đồng.

- Nợ gốc 310.000.000 đồng x 24 ngày x 0,03%/ ngày = 2.232.000 đồng.

Tổng cộng nợ gốc và lãi là: **330.243.000 đồng**.

***Bị đơn anh Lê N trình bày như sau:** Năm 2020 trong lúc tôi chơi đánh bài thua tiền, không có tiền trả nợ và bỏ đi nơi khác làm ăn, sau đó tôi về lại địa phương và gặp chị L, sau đó chị L ép tôi ký vào giấy mượn tiền ngày 08/4/2020 có mượn của chị L 400.000.000 đồng, có lập giấy mượn tiền ngày 08/4/2020 như chị L trình bày là đúng (đây là số tiền mượn riêng của tôi, chữ ký và chữ viết tại giấy mượn tiền ngày 08/4/2020 là do tôi ký và viết ra). Quá trình mượn tiền, sau đó khoảng tháng 12/2021 và tháng 6/2022 tôi có trả dần cho chị L 90.000.000 đồng tiền gốc, số tiền còn lại 310.000.000 đồng đến nay tôi chưa trả. Nay tôi cam kết trả nợ cho chị L cứ mỗi năm trả 50.000.000 đồng, thời gian trả nợ kể từ năm 2023 cho đến khi trả hết số tiền trên (riêng tiền lãi tôi xin lại).

Tòa án nhân dân huyện T đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Trương Thị Bạch L khởi kiện anh Lê N cư trú tại: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên “ Về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản ”. Đây là tranh chấp dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy An theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2]. Về nội dung tranh chấp: Ngày 08/4/2020 chị L có cho anh Lê N mượn số tiền 400.000.000 đồng (có lập giấy mượn tiền kèm theo), mục đích cho mượn là để anh N đáo hạn Ngân hàng, đến khoảng tháng 12/2021 và tháng 6/2022 anh N có trả dần cho chị L số tiền gốc 90.000.000 đồng, số tiền gốc còn lại đến nay anh N chưa trả. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị L yêu cầu bị đơn anh N phải có nghĩa vụ trả nợ số tiền gốc 310.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh 10%/ năm (tương ứng 0,83%/ tháng) theo quy định của bộ luật dân sự 2015, thời gian tính lãi kể từ tháng 7/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 24/02/2023 là 07 tháng 24 ngày cụ thể: Nợ gốc 310.000.000 đồng x 0,83%/ tháng x 07 tháng 24 ngày = **330.243.000 đồng**; tại phiên tòa, bị đơn cho rằng thời điểm chơi bài thua tiền, sau đó gặp chị L và bị chị L ép ký vào giấy mượn tiền ngày 08/4/2020, và thừa nhận hiện nay còn nợ của chị L 310.000.000 đồng tiền gốc và cam kết hẹn cứ mỗi năm trả cho chị L 50.000.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền gốc trên, riêng tiền lãi anh N xin lại, tuy nhiên chị L không đồng ý và yêu cầu trả nợ một lần.

[3]. Hội đồng xét xử nhận định: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh N cho rằng thời điểm chơi bài thua tiền sau đó gặp chị L và bị chị L ép ký

tên vào giấy mượn tiền ngày 08/4/2020, tuy nhiên tại biên bản hòa giải ngày 10/02/2023 anh N khẳng định: “ đây là số tiền mượn riêng của tôi, chữ ký và chữ viết tại giấy mượn tiền ngày 08/4/2020 là do tôi ký và viết ra ”; anh N cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh rằng là mình bị ép ký tên vào giấy mượn tiền ngày 08/4/2020 nên không có cơ sở xem xét. Do vậy Căn cứ vào giấy mượn tiền lập ngày 08/4/2020 và sự thừa nhận của các bên đương sự, nên được xem là chứng cứ của vụ án theo quy định tại điều 93 bộ luật tố tụng dân sự. Việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền gốc 310.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh 10%/ năm (0,83%/ tháng) là đúng quy định tại khoản 2 điều 468 BLDS 2015, nên việc yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[3.1]. Xét thấy quá trình thực hiện hợp đồng vay, bị đơn anh N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại điều 466 Bộ luật dân sự 2015. Do đó HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn anh Lê N phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn số tiền gốc 310.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ tháng 7/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 24/02/2023 là 07 tháng 24 ngày cụ thể: Nợ gốc 310.000.000 đồng x 0,83%/ tháng x 07 tháng 24 ngày = **330.243.000 đồng**.

Tổng cộng nợ gốc và lãi là: **330.243.000 đồng**.

[4]. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Các Điều 463, 465, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn anh Lê N phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn chị Trương Thị Bạch L **330.243.000 đồng** (trong đó 310.000.000 đồng tiền gốc và 20.243.000 đồng tiền lãi).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị đơn anh Lê N phải chịu **16.512.150 đồng** án phí DSST.

Hoàn lại cho nguyên đơn chị L 7.750.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số: 05709 ngày 21/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Văn Bình